

Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách

- Tổng hợp từ các khuyến nghị của các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT (và các nhà tài trợ thích hợp)
- Phục vụ lãnh đạo Bộ NN và PTNT và chia sẻ với cộng đồng tài trợ quốc tế

2004

Dự thảo

Ngày hoàn thiện: **10 tháng 6 năm 2004**

Đơn vị tổng hợp: **Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ NN và PTNT**

Chủ đề chính sách:

Lồng ghép Chiến lược toàn diện về Tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS) vào chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
Nhóm vấn đề 1:						
PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN						
1. Phát huy vai trò của cộng đồng, chuyển giao quản lý khai thác công trình thủy lợi cho người dân.	Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ xoá đói giảm nghèo cho người dân.	Xây dựng khung chiến lược về quản lý tưới có sự tham gia của người dân; Xây dựng các chính sách, hướng dẫn thực hiện quản lý tưới có sự tham gia của người dân; Xây dựng các mô hình thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm và nhân rộng.	Xây dựng khung chiến lược về quản lý tưới có sự tham gia của người dân; Xây dựng các chính sách hướng dẫn thực hiện quản lý tưới có sự tham gia của người dân.	Đội ngũ cán bộ có trình độ.	Kinh phí thực hiện; Hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế.	Cục Thủy lợi
2. Tăng cường đầu tư các dự án hạ tầng cơ sở nông thôn (nước sạch và vệ sinh môi trường, các công trình thủy lợi, trồng rừng, chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp)	Nâng cao đời sống nhân dân, nhận thức cộng đồng và mục tiêu xoá đói giảm nghèo.	Tập trung vốn đầu tư vào các dự án có hiệu quả kinh tế, xã hội cao.	Thực hiện quản lý nhà nước về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo sự hài hoà giữa các quy định của nhà nước và các chính sách của các nhà tài trợ.	Kinh phí phân bổ từ ngân sách.	Nhu cầu hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật và tài chính.	Cục Quản lý xây dựng công trình
3. Chính sách đất đai; chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách tín dụng; chính sách đào tạo và chuyển giao kiến thức, tạo việc làm; Đất chưa sử dụng Phát triển cơ sở hạ tầng (đầu tư)	Có đủ đất cho hộ nghèo sản xuất; có đường điện, thủy lợi phục vụ sản xuất; mở rộng hình thức tín dụng và giảm lãi suất; phát triển các hoạt động phi nông nghiệp. Giao cho nông hộ	Tăng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; giảm lãi suất vay tín dụng từ 5,4%/năm xuống 2,6%/năm; đa dạng hoá sản xuất Điều tra, giao đất Điều tra, lập dự án phát triển Điều tra nhu cầu vốn của	Chính sách và giải pháp phát triển kinh tế vùng rừng đặc dụng và phòng hộ; Giải pháp xoá đói giảm nghèo các xã 135. Điều tra một số xã	Phối hợp với viện dân tộc nghiên cứu giải pháp xoá đói giảm nghèo; số lượng người tham gia 12 người	cần có nguồn hỗ trợ	Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
		các hộ gia đình				
Nhóm vấn đề 2: PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG VÀ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC NHAU VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT						
1. Phát triển sản xuất và xoá đói giảm nghèo đối với các vùng miền núi, nhất là các dân tộc thiểu số; 2. Chính sách hỗ trợ kinh tế trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Các mô hình phát triển sản xuất ở miền núi: bền vững, có hiệu quả. Các giải pháp và chính sách cụ thể đối với kinh tế trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Điều tra thực trạng kinh tế trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ: những tồn tại cản trở sự phát triển. Nghiên cứu các mô hình cây-con phù hợp với từng vùng miền núi.	Điều tra về phát triển nông thôn; Mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ; Điều tra về thực trạng doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.	Chương trình 135, Chương trình XDGN, việc làm; Vốn điều tra cơ bản của Bộ.		Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn
3. Phân bố nguồn lực và bố trí dân cư có nhiều bất cập; người nghèo thường ở vùng sâu, xa và tản mạn nên không những được ít đầu tư mà còn hiệu quả đầu tư không cao.	Phát triển tập trung các vùng dân cư nông thôn, miền núi, miền sâu, miền xa để đầu tư được tập trung và hiệu quả hơn.	Đẩy mạnh việc quy hoạch, phát triển các khu dân cư tập trung ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, và vùng núi cao.	Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.	Đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong công tác kế hoạch và quy hoạch; kinh phí phục vụ công tác được nhà nước cấp theo từng thời kỳ.	Nhu cầu hỗ trợ: chương trình quy hoạch, phát triển thí điểm khu dân cư tập trung cho dân nghèo ở miền núi, miền sâu, xa nơi thường gặp nhiều rủi ro do thiên tai.	Vụ Kế hoạch
4. Chính sách khuyến nông cho người nghèo ở miền núi rất khác nhau giữa chương trình xoá đói giảm nghèo và khuyến nông quốc gia của Bộ, kể cả một số dự án hỗ trợ nước ngoài.	Thống nhất cơ chế tài chính.	Chuyển giao thiết bị kỹ thuật cho sản xuất của người nghèo ở vùng núi.	Thực hiện các dịch vụ khuyến nông cho người nghèo ở miền núi.	Tương đối đầy đủ		Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
Nhóm vấn đề 3: NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ NÔNG THÔN						

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
1. Triển khai thực hiện đưa các mô hình trình diễn tiến bộ kỹ thuật, công nghệ bảo vệ thực vật vào sản xuất, giúp nông dân sản xuất có hiệu quả như chương trình IPM, 3 giảm 3 tăng, 2 giảm 3 tăng, các mô hình sản xuất rau an toàn. 2. Tổ chức xây dựng mạng lưới BVTV cấp cơ sở. 3. Quy hoạch xây dựng các vùng sản xuất, chế biến hàng nông sản. 4. Giải quyết những vấn đề liên quan đến các mặt hàng nông sản xuất nhập khẩu như: đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch của nước nhập khẩu, thực hiện hiệp định SPS của WTO, xử lý nhanh chóng và hiệu quả các loài sâu bệnh nguy hiểm trên hàng hóa xuất nhập khẩu.	Các hộ nông dân tham gia và hưởng lợi từ chính sách trên. Đảm bảo an ninh và an toàn đối với nền sản xuất nông nghiệp trong nước. Công nghiệp hóa nông nghiệp, giải quyết việc làm cho nông dân. Khả năng cạnh tranh hàng của nông sản Việt Nam được nâng lên. Thị trường xuất khẩu nông sản mở rộng.	Hỗ trợ tài chính để xây dựng các mô hình trình diễn và xây dựng mạng lưới. Định kỳ thông báo tình hình dịch hại trên các phương tiện thông tin đại chúng 10 ngày/lần. Khảo sát thực tế, đầu tư kỹ thuật, giống, xây dựng cơ chế quản lý phù hợp. Điều tra toàn diện một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu về tình hình dịch hại, quản lý dịch hại, phương thức thu hoạch, điều kiện bảo quản. Hỗ trợ về kỹ thuật trong việc đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch của nước nhập khẩu. Nâng cao năng lực, đầu tư trang thiết bị phục vụ việc phát hiện, xử lý dịch hại.	Cập nhật đầy đủ số liệu diễn biến tình hình dịch hại 7 ngày/lần. Đã xây dựng nhiều mô hình trình diễn nhưng còn hạn chế khi đưa vào sản xuất. Một số địa phương đã xây dựng mạng lưới bảo vệ thực vật cơ sở hoàn chỉnh. Tập trung nghiên cứu các biện pháp xử lý trong kiểm dịch thực vật đối với một số rau quả tươi. Ưu tiên tháo gỡ một số vấn đề về kiểm dịch liên quan tới hàng nông sản xuất khẩu sang 1 số thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản. Cập nhật và hoàn tất cơ sở dữ liệu về KDTV phục vụ công tác xuất nhập khẩu.	Kinh phí đã được bổ sung từ ngân sách nhưng còn rất hạn chế.	Cần có sự trợ giúp về tài chính và kỹ thuật của cộng đồng quốc tế trong việc đầu tư trang thiết bị, nghiên cứu và đào tạo cán bộ	Cục Bảo vệ Thực vật
5. Hỗ trợ kỹ thuật công tác giống. 6. Hỗ trợ các hộ nghèo có vốn sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản, ngành nghề kinh doanh và nghề muối (diêm dân). 7. Tạo mặt bằng sản xuất: Hỗ trợ tín dụng lãi suất thấp để phát triển sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, hỗ trợ đào tạo nghề; xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề.	Sản phẩm nông nghiệp nói chung trong đó muối nói riêng có năng suất, chất lượng cao, giá thành hạ, hộ nông dân giảm nghèo đói. Tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân nói chung và diêm dân. Xây dựng Nghị định của Chính phủ về các chính sách khuyến khích.	Điều tra thực trạng ngành nghề phi nông nghiệp. Thu thập, tổng hợp, đánh giá các chính sách có liên quan ở trong và ngoài nước. Dạy nghề mới.	Xây dựng đề án phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2010. Xây dựng quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn.	Kinh phí xây dựng đề án 200 triệu đồng từ ngân sách nhà nước;	cần thiết phải phối hợp với các cơ quan khác và hỗ trợ kỹ thuật của Quốc tế (1 người/ngày) và hỗ trợ kinh phí.	Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
8. Chính sách thúc đẩy và thừa nhận các hình thức tổ chức tập thể làm dịch vụ nông nghiệp của nông dân nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo hưởng dịch vụ.	Có các văn bản chính sách cụ thể thừa nhận tư cách pháp nhân và có chính sách thúc đẩy thông qua khuyến nông và đào tạo các tổ chức tập thể của nông dân làm dịch vụ nông nghiệp. Các tổ chức này nhằm mục tiêu tạo sự thuận lợi cho việc tiếp cận dịch vụ cho sản xuất của người nghèo, hay tại các vùng xa xôi, thiếu các dịch vụ.	Nghiên cứu và mở rộng các mô hình tổ chức nông dân đã có ở đồng bằng sông Hồng về dịch vụ đầu vào và đầu ra cho nông sản. Tập trung vào vấn đề thể chế thị trường thuận lợi và công bằng hơn đối với người nghèo. Xây dựng chương trình và hệ thống đào tạo cho tổ chức nông dân tại Trung tâm Nam sách, thuộc Bộ môn hệ thống nông nghiệp, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. Tham gia xây dựng các chính sách về thúc đẩy dịch vụ nông nghiệp.	Từ 10 năm nay, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam đã tiến hành nghiên cứu vấn đề trên chủ yếu dựa trên nguồn vốn hợp tác quốc tế vì ngân sách nghiên cứu của Bộ NN và PTNT không có các chủ đề nêu trên.	Bộ môn Hệ thống nông nghiệp hiện có 18 biên chế làm việc trong lĩnh vực trên, trong đó có 2 tiến sỹ, 13 Thạc sỹ được đào tạo chủ yếu tại Pháp, Canada và Việt nam, hưởng lương ngân sách, còn kinh phí nghiên cứu hiện chưa có nguồn từ Bộ NN và PTNT, từ Bộ Khoa học khoảng 800 triệu/năm. Hiện Bộ môn đã có các hợp tác nghiên cứu với FAO, ADB và WB trên lĩnh vực nói trên.	Cần phối hợp với Cục HTX và PTNT, Trung tâm Khuyến nông quốc gia và các nhà tài trợ như WB, ADB, FAO, UNDP, AFD và các tổ chức khác có quan tâm đến vấn đề trên. Cần sự hỗ trợ cả về tài chính từ các nhà tài trợ và cả về chuyên gia trong các lĩnh vực nêu trên.	Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam
9. - Chính sách hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú ý và đào tạo tập huấn kỹ thuật cho người nghèo. - Xây dựng quỹ luân phiên phát triển sản xuất cho người nghèo ở thôn bản.	Nông dân nghèo được hỗ trợ giống tốt, vật tư chủ yếu tăng năng suất cây trồng, con nuôi tăng, tăng thu nhập cho người nghèo. Có quỹ luân phiên tổ chức cho vay để sản xuất.	Chọn một số hộ dân nghèo; hỗ trợ một số vật tư chủ yếu để họ sản xuất (giống TBKT); mở lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân nghèo; và tạo mô hình điểm sản xuất với năng suất chất lượng cao để nông dân nghèo được học tập. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho một nhóm người nghèo; cho một số hộ vay vốn để sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi), hết chu kỳ trả	Triển khai thực hiện chương trình giống	Là cơ quan quản lý nhà nước có các phòng chức năng chuyên môn về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi.. giống về: xác định cây trồng, con nuôi phù hợp; xác định nguồn giống tốt để cung cấp cho sản xuất.		Cục Nông nghiệp

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
		lại nhóm để cho hộ khác vay. Kinh phí hỗ trợ quỹ luân phiên từ chương trình khuyến nông người nghèo, không phải vốn tín dụng. Giống tốt, vật tư... cho cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cung cấp.				
Nhóm vấn đề 4: PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI						
1. Thực hiện triển khai chiến lược và kế hoạch hành động Quốc gia về Giảm nhẹ thiên tai; 2. Tăng cường năng lực Quốc gia GNTT tới đối nghèo, phát triển nông thôn	Đưa được các kết quả nghiên cứu vào việc lập và quyết định các chính sách nông nghiệp		Điều tra ảnh hưởng thiên tai tới xã hội, kinh tế vùng nghèo khổ; Đánh giá công tác giảm nhẹ thiên tai, nghiên cứu đề xuất chính sách.	Nguồn lực từ sự phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành		Cục Quản lý đề điều và Phòng chống lụt bão
Nhóm vấn đề 5: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG						
1. Thực hiện đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP và quyết định 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ	Giao cho các đơn vị sự nghiệp, hành chính, quyền tự chủ về tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao thu nhập.	Giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu; Giao khoán biên chế cho các đơn vị về quản lý tài chính.	Đã thực hiện giao đơn vị sự nghiệp có thu cho 100% đơn vị sự nghiệp có thu; Chuẩn bị thí điểm giao khoán biên chế cho đơn vị quản lý hành chính sự nghiệp	Từ ngân sách nhà nước hàng năm	Hỗ trợ từ phía quốc tế	Vụ Tài chính
Nhóm vấn đề 6: THÔNG TIN NÔNG THÔN						
1. Hình thành một chiến lược tổng thể về thông tin cho nông thôn .	Có định hướng đồng bộ cho các chương trình, dự án phát triển thông tin nông thôn.	Kiểm điểm lại các chương trình dự án liên quan, phác thảo khung chiến lược định hướng chung, xác định bước đi và chính sách kèm theo.	Triển khai dự án thông tin thị trường của ADB, dự án thông tin của Bộ	Kinh phí cho các chương trình dự án cụ thể đã được xác định, những kinh phí và nguồn lực nghiên cứu chiến lược thì		Trung tâm tin học

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
				không có nguồn		
Nhóm vấn đề 7: CÁC CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN HỢP TÁC NƯỚC NGOÀI						
1. Xây dựng chính sách rõ ràng, quy định các chương trình/dự án có vốn nước ngoài đều phải có hợp phần trực tiếp gắn với nội dung của chiến lược quốc gia về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo đồng thời với vấn đề phát triển thể chế.	Tỷ trọng của hợp phần XĐGN được xác định phù hợp theo từng lĩnh vực một: Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy lợi.	Rà soát lại các chương trình/dự án đã và đang thực hiện để xác định tỷ trọng XĐGN thực tế đã có trong các chương trình/dự án.	Vụ HTQT/ISG đã xây dựng CSDL các chương trình/dự án có nguồn vốn nước ngoài. CSDL này cần phải được cập nhật, bổ sung thường xuyên. Trên cơ sở CSDL có được, tiến hành phân tích đánh giá và tính toán tỷ trọng hợp lý về hợp phần XĐGN trong các chương trình/dự án theo từng lĩnh vực: Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy lợi.	Vụ HTQT có đủ nhân lực (thông qua ISG) để tham gia quá trình xây dựng chính sách trên.	Kinh phí nhất định để thực hiện các hoạt động: rà soát, nghiên cứu, phân tích và xác định tỷ trọng XĐGN hợp lý tính cho các chương trình/dự án có nguồn vốn nước ngoài Kinh phí duy trì, cập nhật thường xuyên CSDL	Vụ Hợp tác Quốc tế
2. Dự án UNICEF: (i) Hướng dẫn về kỹ thuật và mức hỗ trợ bằng tiền ứng với từng quy mô công trình (ii) hỗ trợ tập trung vào các vùng ưu tiên trong phạm vi một số tỉnh khó khăn. 3. Dự án JICA: (i) các loại thuế, phí, lệ phí... được miễn, (ii) tham gia đầu thầu thực hiện dự án của Nhật bản tài trợ. 4. Dự án Danida: (i) Chính sách cho vay và hỗ trợ (ii) tính pháp nhân của các đối	Mong muốn Bộ và các nhà tài trợ quan tâm thảo luận để có đồng ý kiến trình Chính phủ khi có các vấn đề vượt quá phạm vi thẩm quyền giải quyết của Bộ. Có nguồn Quỹ quốc gia về Cấp nước sạch và VSNT từ ngân sách nhà nước, tài trợ, vốn vay...	Dự án UNICEF: (i) Hiện nay, các dự án về cấp nước sạch và VSNT thực hiện trên địa bàn tỉnh đều do địa phương phê duyệt. UNICEF nên đưa ra hướng dẫn về kỹ thuật và mức hỗ trợ bằng tiền ứng với từng quy mô công trình để thay cho việc kiểm tra thiết kế của từng công trình và hỗ trợ bằng vật tư như hiện nay. Thay vì việc xem xét đó, UNICEF và phía BQL Dự án TW cần tăng cường	Chính sách tín dụng để thực hiện Chiến lược Quốc gia CNS&VSNT (đã được Chính phủ ban hành). Tinh pháp lý cho nhóm người sử dụng nước (Tổ hợp tác). Nghị định của Chính phủ về việc Xã hội hoá Chương trình CNS&VSNT. Tinh khoản khung gia nước.	Ngân sách nhà nước cấp. Nguồn ngân sách từ tiểu hợp phần 1.2 “Hỗ trợ thực hiện Chiến lược: do Danida tài trợ. Nguồn viện trợ của UNICEF và JICA	Tăng cường vốn viện trợ. Phân bổ vốn đối ứng cho hoạt động của Ban quản lý dự án UNICEF theo các qui định hiện hành. Đề nghị JICA bổ sung thêm nguồn lực	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
tượng tham gia vào Chương trình CNS&VSNT.		công tác kiểm tra giám sát như vậy sẽ thuận lợi và hiệu quả hơn. (ii) Cần hỗ trợ tập trung vào các vùng ưu tiên trong phạm vi một số tỉnh khó khăn. Các hoạt động phần mềm của dự án như truyền thông, đào tạo có thể mở rộng ra diện rộng cho các tỉnh. Dự án JICA: (i) Trong công hàm trao đổi cần nêu cụ thể các loại thuế, phí, lệ phí... được miễn, tạo thuận lợi cho việc triển khai các thủ tục này đối với các dự án viện trợ không hoàn lại. (ii) Cho phép các nhà thầu Việt nam hoặc nước khác được tham gia đấu thầu thực hiện dự án như các nhà thầu Nhật bản. Dự án Danida: những vấn đề cần được quan tâm (i) Chính sách cho vay và hỗ trợ các hộ nghèo, gia đình chính sách, đối tượng khác trong cấp nước và VSNT. (ii) tính pháp nhân của tư nhân, Tổ Hợp tác, HTX... tham gia vào Chương trình CNS&VSNT Có sự tham gia của bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong việc xây dựng kế hoạch, xây dựng chính sách, điều phối các nguồn tài trợ...			cho các hoạt động phần mềm như đào tạo nâng cao năng lực, truyền thông;... bên cạnh nguồn vốn viện trợ cho xây dựng công trình cụ thể. Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng lực, chuyên giao công nghệ. Hỗ trợ phụ cấp cho cán bộ tham gia dự án (bao gồm phụ cấp lương cho cán bộ của cơ quan nhà nước và lương cho cán bộ hợp đồng).	

Vấn đề cần khuyến nghị	Tình trạng mong muốn	Khuyến nghị các hoạt động cần thiết	Các hoạt động có liên quan của đơn vị theo kế hoạch	Nguồn lực hiện có	Nguồn lực cần hỗ trợ	Tên đơn vị đề xuất
		Thường xuyên trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm dưới nhiều hình thức khác nhau.				
Nhóm vấn đề 8: XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN QUI PHẠM PHÁP LUẬT						
1. Nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ của công tác xây dựng văn bản qui phạm pháp luật.	Xây dựng hệ thống pháp luật phục vụ cho ngành NN và PTNT	Đảm bảo kinh phí cho công tác xây dựng. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác pháp chế.	Xây dựng dự án Luật Bảo vệ và phát triển rừng, dự án Luật Đề điều. Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành Văn bản qui phạm pháp luật và một số văn bản khác.	Cán bộ pháp chế, chính sách có năng lực (17 người)	Kinh phí hoạt động; đào tạo cán bộ với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế	Vụ Pháp chế